

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho Quý 1 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	2 – 26
Bảng cân đối kế toán	2 – 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5 - 6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 – 8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9– 26

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2017

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.236.356.411	77.850.131.763
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.505.569.155	5.505.249.071
1.	Tiền	111	V.01	1.505.569.155	5.505.249.071
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.864.884.167	51.305.685.450
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	54.751.506.756	49.867.244.212
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.981.788.221	1.335.617.723
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	131.589.190	102.823.515
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	7.046.022.391	4.153.548.855
1.	Hàng tồn kho	141		7.046.022.391	4.153.548.855
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		16.819.880.698	16.885.648.387
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	112.524.862	122.086.247
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	16.707.355.836	16.763.562.140
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.073.112.875	42.464.620.535
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		43.479.425	43.479.425
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	43.479.425	43.479.425
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		38.726.032.893	34.175.913.668
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	38.726.032.893	34.175.913.668
	- Nguyên giá	222		63.392.645.287	57.012.890.741
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(24.666.612.394)	(22.836.977.073)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	1.602.327.143	1.610.169.837
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.602.327.143	1.610.169.837
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	750.000.000	200.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		750.000.000	200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		6.435.057.605	6.435.057.605
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	5.951.273.816	6.435.057.605
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		129.309.469.286	120.314.752.298

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		74.033.767.291	66.423.849.288
I.	Nợ ngắn hạn	310		64.247.882.716	58.947.169.713
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	30.060.023.000	30.343.211.431
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	88.993.362	523.872.600
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	673.474.042	2.138.613.998
4.	Phải trả người lao động	314		1.525.660.632	1.237.447.478
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	82.363.635	95.000.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	708.984.845	357.882.509
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	31.108.383.200	24.251.141.697
II.	Nợ dài hạn	330		9.785.884.575	7.476.679.575
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	9.785.884.575	7.476.679.575
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.275.701.995	53.890.903.010
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	55.275.701.995	53.890.903.010
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.275.701.995	8.890.903.010
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		8.890.903.010	5.750.940.153
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.384.798.985	3.139.962.857
3.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		129.309.469.286	120.314.752.298

Hà Nam, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Đinh Thị Thu Hà

Hoàng Hạnh phúc

Đặng Việt Lê

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	31.256.669.018	27.470.140.350	31.256.669.018	27.470.140.350
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02		-		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31.256.669.018	27.470.140.350	31.256.669.018	27.470.140.350
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	26.527.167.118	23.525.599.014	26.527.167.118	23.525.599.014
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.729.501.900	3.944.541.336	4.729.501.900	3.944.541.336
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1.259.360	1.677.296	1.259.360	1.677.296
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	783.137.065	603.760.263	783.137.065	603.760.263
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>783.137.065</i>	<i>603.760.263</i>	<i>783.137.065</i>	<i>603.760.263</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	1.219.865.425	1.269.111.312	1.219.865.425	1.269.111.312
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	992.093.336	1.038.062.707	992.093.336	1.038.062.707
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.735.765.434	1.031.929.758	1.735.765.434	1.031.929.758
11.	Thu nhập khác	31					
12.	Chi phí khác	32	VI.06	(4.766.703)	853.655	(4.766.703)	853.655
13.	Lợi nhuận khác	40		(4.766.703)	(853.655)	(4.766.703)	(853.655)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.730.998.731	1.031.076.103	1.730.998.731	1.031.076.103

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	346.199.746	206.215.220	346.199.746	206.215.220
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.384.798.985	824.860.883	1.384.798.985	824.860.883
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	308	183	308	183
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	308	183	308	183

Người lập biểu

Đinh Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc



Hà Nam, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Chủ tịch HĐQT

Đặng Việt Lê

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		32.963.194.139	28.666.605.683
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29.027.549.385)	(18.451.531.863)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.445.762.515)	(3.909.998.601)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(783.137.065)	(603.760.263)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.192.146.125)	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		(622.375.973)	(610.208.016)
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.128594.949)	(2.260.218.904)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.353.888.509)	2.830.888.036
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.379.754.546)	(3.379.000.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(550.000.000)	
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			1.677.296
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.929.754.546)	(3.377.322.704)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền thu từ đi vay	33		25.254.035.794	16.960.834.815
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(16.087.589.291)	(19.782.141.060)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.166.446.503	(2.821.306.245)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.999.679.916)	(3.367.740.913)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.505.249.071	4.699.272.510
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.505.569.155	1.331.531.597

Người lập biểu



Đinh Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 28 tháng 04 năm 2017



Đặng Việt Lê

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất gạch không nung các loại.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 08 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của thành phẩm bán trong năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Tiền mặt	638.552.519	640.182.059
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	867.016.636	4.865.067.012
Cộng	1.505.569.155	5.505.249.071

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác	750.000.000	-	750.000.000	200.000.000	-	200.000.000
+ Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Khang Minh (*)	750.000.000	-	750.000.000	200.000.000	-	200.000.000
Cộng	750.000.000	-	750.000.000	200.000.000	-	200.000.000

(*) Trong năm Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Khang Minh, tỷ lệ cam kết góp vốn của Công ty là 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Khang Minh (Vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng Việt Nam)

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	54.751.506.756	49.867.244.212
- Công ty CP Gạch Đoàn Minh Công	10.410.821.132	13.393.921.437
- Công ty Thành An 116 - Tổng công ty Thành An	2.198.230.713	2.278.230.713
- Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và công nghiệp Delta	1.667.238.611	2.655.411.366
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	40.475.216.300	31.539.680.696

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	54.751.506.756	49.867.244.212
-------------	-----------------------	-----------------------

Đơn vị tính: VND

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.335.617.723
- Công ty TNHH Vật liệu nhiệt Phát Lộc	100.000.000	100.000.000
- Công ty TNHH xây dựng và phát triển thương mại Nguyễn Minh	1.000.000.000	1.000.000.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	881.788.221	235.617.723
Cộng	1.981.788.221	1.335.617.723

05. Phải thu khác

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	131.589.190	-	102.823.515	-
- Tạm ứng	131.589.190	-	101.759.879	-
- Phải thu khác	-	-	1.063.636	-
+ Thuế TNCN của cá nhân cho vay	-	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	-	-	1.063.636	-
b. Dài hạn	43.479.425	-	43.479.425	-
- Ký cược, ký quỹ	43.479.425	-	43.479.425	-
Cộng	175.068.615	-	146.302.940	-

06. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	2.208.841.752	-	1.771.239.479	-
- Công cụ, dụng cụ	1.480.609.623	-	44.317.468	-
- Thành phẩm	3.356.571.016	-	2.337.991.908	-
Cộng	7.046.022.391	-	4.153.548.855	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.602.327.143	1.610.169.837
- Bãi dưỡng gạch	1.602.327.143	1.610.169.837
Cộng	1.602.327.143	1.610.169.837

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	13.138.403.005	34.282.678.655	7.995.818.172	847.772.727	748.218.182	57.012.890.741
- Mua trong năm	-	5.569.754.546	810.000.000	-	-	6.379.754.546
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối quý	13.138.403.005	39.852.433.196	8.805.818.177	847.772.727	748.218.182	63.392.645.287
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.741.131.957	13.649.077.904	1.704.289.486	133.863.631	608.614.095	22.836.977.073
- Khấu hao trong năm	348.903.090	1.135.591.000	299.624.267	28.460.226	17.056.738	1.829.635.321
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối quý	7.090.035.047	14.784.668.904	2.003.913.753	162.323.857	625.670.833	24.666.612.394
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	6.397.271.048	20.633.600.751	6.291.528.686	713.909.096	139.604.087	34.175.913.668
2. Tại ngày cuối quý	6.048.367.958	25.067.764.292	6.801.904.424	685.448.870	122.547.349	38.726.032.893

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 4.191.375.273 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 11.764.777.429 đồng và 9.617.509.571 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Hợp tác – Chi nhánh Sở giao dịch và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hà Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	112.524.862	122.086.247
- Chi phí trả trước về thuê văn phòng	51.377.905	51.377.905
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	61.146.957	70.708.342
b. Dài hạn	5.951.273.816	6.435.057.605
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.170.496.032	3.620.116.638
- Chi phí san lấp mặt bằng	2.780.777.784	2.796.607.638
- Các khoản khác		18.333.329
Cộng	5.951.273.816	6.557.143.852

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối quý	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	24.251.141.697	24.251.141.697	22.422.242.794	15.565.001.291	31.108.383.200	31.108.383.200
- Vay ngân hàng	24.251.141.697	24.251.141.697	22.422.242.794	15.565.001.291	31.108.383.200	31.108.383.200
+ Ngân hàng Hợp tác - Chi nhánh Sở giao dịch (a)	10.267.051.829	10.267.051.829		4.567.531.829	5.699.520.000	5.699.520.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam (b)	13.067.589.868	13.067.589.868	22.422.242.794	10.746.969.462	24.742.863.200	24.742.863.200
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Kinh Đô	916.500.000	916.500.000		250.500.000	666.000.000	666.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.476.679.575	7.476.679.575	2.831.793.000	522.588.000	9.785.884.575	9.785.884.575
Vay dài hạn	7.476.679.575	7.476.679.575	2.831.793.000	522.588.000	9.785.884.575	9.785.884.575
Từ 1 năm đến 5 năm	7.476.679.575	7.476.679.575	2.831.793.000	522.588.000	9.785.884.575	9.785.884.575
- Vay ngân hàng	7.476.679.575	7.476.679.575	2.831.793.000	522.588.000	9.785.884.575	9.785.884.575
+ Ngân hàng Hợp tác - Chi nhánh Sở giao dịch (c)	4.071.550.000	4.071.550.000		146.960.000	3.429.590.000	3.429.590.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam (d)	3.405.129.575	3.405.129.575	2.831.793.000	375.628.000	5.861.294.575	5.861.294.575
Cộng	31.727.821.272	31.727.821.272	25.254.035.794	16.087.589.291	40.894.267.775	40.894.267.775

(a): Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HM00000008/HĐTD ngày 29 tháng 6 năm 2011. Khoản vay này được đảm bảo bởi 01 bất động sản tại số 24 tổ 49 phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của ông Đặng Đình Kim và bà Lương Thị Xuân Phương. Lãi suất vay trong năm là 9%/năm - 10%/năm.

(b): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 47.15.770.2297527.TD ngày 20 tháng 3 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động. Được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba là 01 bất động sản tại tổ 17, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Năm và bà Nguyễn Thị Xuyên và quyền sử dụng đất thuê đã trả tiền trước theo hợp đồng thuê đất số 10/HĐTD ngày 28/02/2011 Lãi suất vay trong năm là 7.5% năm.

(c): Khoản vay Ngân hàng Hợp tác – Chi nhánh Sở giao dịch theo hợp đồng trung hạn số DHA 0500031/HĐTD ngày 07 tháng 3 năm 2012. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay trong năm là 8%/năm – 10,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(d): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hà Nam theo các hợp đồng tín dụng số 111.15.770.2297527.TD ngày 07/10/2015; số 69940.15.770.2297527.TD ngày 26/10/2015; số 78902.15.770.2297527.TD ngày 28/10/2015; số 16450.16.770.2297527.TD ngày 28/4/2016; số 18271.16.770.2297527.TD ngày 10/5/2016 và số 2790.16.770.2297527.TD ngày 26/01/2016 để mua tài sản cố định và được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay trong năm là 10%/năm - 10,5%/năm.

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	30.060.023.000	30.060.023.000	30.343.211.431	30.343.211.431
- Công ty TNHH Vận tải Trường Kỳ	1.523.695.888	1.523.695.888	1.739.277.068	1.739.277.068
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thăng Long	7.459.369.463	7.459.369.463	8.282.932.440	8.282.932.440
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hà Mai	1.377.000.000	1.377.000.000	1.781.500.000	1.781.500.000
- Công ty CP Vận tải Vijasun Hà Nam	3.834.256.995	3.834.256.995	7.096.273.923	7.096.273.923
- Công ty TNHH xây dựng và phát triển thương mại Nguyên Minh	2.273.014.922	2.273.014.922	3.616.077.549	3.616.077.549
- Công ty CP Đoàn Minh Công	4.348.430.200	4.348.430.200	2.028.343.200	2.028.343.200
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	9.244.255.532	9.244.255.532	5.798.807.251	5.798.807.251
Cộng	30.060.023.000	30.060.023.000	30.343.211.431	30.343.211.431

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	88.993.362	88.993.362	523.872.600	523.872.600
- Công ty Cổ phần Tư vấn, Đầu tư và Xây dựng Hương Giang số 1	-	-	278.980.548	278.980.548
- Công ty Cổ phần Xây dựng Tất Hồng	-	-	100.000.000	100.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	-	-	135.525.000	135.525.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	88.993.362	88.993.362	9.367.052	9.367.052
Cộng	88.993.362	88.993.362	523.872.600	523.872.600

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	946.467.873	414.147.693	1.034.243.305		326.372.261
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.192.146.125	346.199.746	1.192.146.125		346.199.746
- Thuế thu nhập cá nhân	3.332.852	-		4.234.887		902.035
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	16.760.229.288	-		52.873.452	16.707.355.836	
- Các loại thuế khác	-	-				
Cộng	16.763.562.140	2.138.613.998	760.347.439	2.283.497.769	16.707.355.836	673.474.042

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	82.363.635	95.000.000
- Trích trước chi phí khác	82.363.635	95.000.000
Cộng	82.363.635	95.000.000

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	708.984.845	357.882.509
- Kinh phí công đoàn	200.627.573	181.824.553
- Bảo hiểm xã hội	508.357.272	176.057.956
Cộng	708.984.845	357.882.509

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	5.750.940.153	50.750.940.153
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	3.139.962.857	3.139.962.857
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm trước	45.000.000.000	8.890.903.010	53.890.903.010
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	8.890.903.010	53.890.903.010
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	1.384.798.985	1.384.798.985
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối quý	45.000.000.000	10.275.701.995	55.275.701.995

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối quý	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các đối tượng khác	45.000.000.000	100	45.000.000.000	100
- Ông Đặng Việt Lê	15.000.000.000	33	15.000.000.000	33
- Ông Phạm Quang Anh	-	-	-	-
- Ông Lê Hoài An	1.500.000.000	3	1.500.000.000	3
- Các cổ đông khác	28.500.000.000	64	28.500.000.000	64
Cộng	45.000.000.000	100	45.000.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý I/2017</u>	<u>Quý I/2016</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	31.256.669.018	27.470.140.350
Cộng	31.256.669.018	27.470.140.350

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý I/2017</u>	<u>Quý I/2016</u>
- Hàng bán bị trả lại		
Cộng		

03. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý I/2017</u>	<u>Quý I/2016</u>
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	26.527.167.118	23.525.599.014
Cộng	26.527.167.118	23.525.599.014

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Quý I/2017	Quý I/2016
04. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.259.360	1.677.296
Cộng	1.259.360	1.677.296
05. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	783.137.065	603.760.263
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	783.137.065	603.760.263
06. Chi phí khác		
- Lỗ từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Lãi nộp chậm bảo hiểm	3.024.941	853.655
- Phạt chậm nộp thuế	1.741.762	
- Các khoản khác		
Cộng	4.766.703	853.655
07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý I/2017	Quý I/2016
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	992.093.336	1.038.062.707
- Chi phí nhân viên quản lý	424.447.500	499.199.505
- Chi phí vật liệu quản lý	135.896.520	155.048.168
- Chi phí khấu hao TSCĐ	28.460.226	28.460.226
- Thuế, phí và lệ phí		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.927.133	166.309.839
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	290.361.957	189.044.969
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	1.219.865.425	1.269.111.312
- Chi phí nhân viên	646.704.238	650.419.600
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.690.000	261.100.909
- Các khoản chi phí bán hàng khác	518.371.187	357.590.803
Cộng	2.211.958.761	2.307.174.019

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Quý I/2017</u>	<u>Quý I/2016</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	346.199.746	206.215.220
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>346.199.746</u>	<u>206.215.220</u>

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành

	<u>Quý I/2017</u>	<u>Quý I/2016</u>
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.730.998.731	1.031.076.103
Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Lãi chậm nộp bảo hiểm và thuế		
+ Chi phí không được trừ khác		
Các khoản điều chỉnh giảm		
+ Chuyển lỗ các năm trước		
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.730.998.731	1.031.076.103
Thuế suất 20%	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>346.199.747</u>	<u>206.215.220</u>

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý I/2017</u>	<u>Quý I/2016</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.384.798.985	824.860.883
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.384.798.985	824.860.883
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>308</u>	<u>183</u>

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Quý I/2017</u>	<u>Quý I/2016</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.384.798.985	824.860.883
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.384.798.985	824.860.883
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi		
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	4.500.000	4.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>308</u>	<u>183</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý I/2017	Quý I/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.961.168.633	8.978.447.840
- Chi phí nhân công	2.866.785.908	2.218.366.267
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.829.635.321	1.399.081.893
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	513.523.783	307.063.394
- Chi phí khác bằng tiền	3.682.238.211	3.143.045.936
Cộng	19.853.351.856	16.046.005.330

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị Ban lãnh đạo, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, không còn số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất gạch không nung.

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.505.569.155	-	5.505.249.071	-	1.505.569.155	5.505.249.071
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.751.506.756	-	49.868.307.848	-	54.751.506.756	49.868.307.848
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	56.257.075.911	-	55.373.556.919	-	56.257.075.911	55.373.556.919

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	30.060.023.000	30.343.211.431	30.060.023.000	30.343.211.431
Vay và nợ	40.894.267.775	31.727.821.272	40.894.267.775	31.727.821.272
Chi phí phải trả	82.363.635	95.000.000	82.363.635	95.000.000
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	71.036.654.410	62.166.032.703	71.036.654.410	62.166.032.703

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	30.060.023.000	-	-	30.060.023.000
Vay và nợ	31.108.383.200	9.785.884.575	-	40.894.267.775
Chi phí phải trả	82.363.635	-	-	82.363.635
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	61.250.769.835	9.785.884.575	-	71.036.654.410
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	30.434.211.431	-	-	30.434.211.431
Vay và nợ	24.251.141.697	7.476.679.575	-	31.727.821.272
Chi phí phải trả	95.000.000	-	-	95.000.000
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	54.780.353.128	7.476.679.575	-	62.166.032.703

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nam, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu

Đinh Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê